

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
**ĐOÀN THẨM TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 280/QĐ-UBND**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1064/ĐTTr-TK**

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 7 năm 2020

V/v triển khai công tác thẩm tra hồ sơ đề nghị xét,
công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành
nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Kính gửi: Các Thành viên Đoàn Thẩm tra.

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang tại Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 13/7/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Đoàn thẩm tra đề nghị các Thành viên triển khai công tác thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020, cụ thể như sau:

1. Phân công nhiệm vụ thẩm tra

1.1. Đoàn thẩm tra có nhiệm vụ:

- Thẩm tra kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Tuyên Quang; thẩm tra Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định tại: Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các văn bản, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương và các văn bản liên quan của tỉnh.

- Đối với tiêu chí số 10 về thu nhập: Đánh giá thu nhập bình quân đầu người đạt từ 36 triệu đồng/người/năm đối với từng xã theo mức quy định năm 2020.

1.2. Các thành viên Đoàn Thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã, kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố Tuyên Quang do sở, ngành quản lý, phụ trách theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang: Xem xét, đánh giá quá trình lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Tuyên Quang.

- Sở Xây dựng thẩm tra: Tiêu chí số 1 về Quy hoạch; Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư; Chỉ tiêu 17.4 về Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc.

- Sở Giao thông vận tải thẩm tra: Tiêu chí số 2 về Giao thông.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra: Tiêu chí số 3 về Thủy lợi (*Chi cục Thủy lợi*); Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất (*Chi cục Phát triển nông thôn*); Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định (*Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn*); Chỉ tiêu 17.8 về Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (*Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản*).

- Sở Công Thương thẩm tra: Tiêu chí số 4 về Điện; Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra: Tiêu chí số 5 về Trường học; Chỉ tiêu 14.1 về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Chỉ tiêu 14.2 về Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm tra: Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 16 về Văn hóa.

- Sở Thông tin và Truyền thông thẩm tra: Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

- Cục Thống kê thẩm tra: Tiêu chí số 10 về Thu nhập.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra: Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo; Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm; Chỉ tiêu 14.3 về Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo; Chỉ tiêu 18.6 về đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

- Sở Y tế thẩm tra: Tiêu chí số 15 về Y tế.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra: Chỉ tiêu 17.2 về Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường; Chỉ tiêu 17.3 về Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; Chỉ tiêu 17.5 về Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; Chỉ tiêu 17.6 về Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm

bảo 3 sạch; Nội dung 17.7 về Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Sở Nội vụ thẩm tra: Chỉ tiêu 18.1 về Cán bộ công chức xã đạt chuẩn; Chỉ tiêu 18.2 về có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; Chỉ tiêu 18.3 về Đảng bộ chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; Chỉ tiêu 18.4 Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.

- Sở Tư pháp thẩm tra: Chỉ tiêu 18.5 về Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thẩm tra: Chỉ tiêu 19.1 về Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Công an tỉnh thẩm tra: Chỉ tiêu 19.2 về xã đạt chuẩn an toàn về an ninh và trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước của tiêu chí 19 về Quốc phòng và an ninh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra: Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra (kiểm tra thực tế, nhận xét, đánh giá) mức độ đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã, kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố Tuyên Quang theo hồ sơ đề nghị của UBND thành phố gửi về Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh trước ngày 28/7/2020, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận thành phố Tuyên Quang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 đề nghị khai thác trên Trang thông tin điện tử: <http://nongthonmoituyenquang.gov.vn/van-ban-tai-lieu/>.

Đoàn thẩm tra theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng đề nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên; (Thẩm tra)
- UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các Chi cục: Thủy lợi; Phát triển nông thôn; Quản lý Chất lượng NLS & TS; (Thẩm tra)
- UBND thành phố; (Phối hợp)
- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, TK (Tuần).

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM TRA

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Nguyễn Văn Việt

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Văn bản số 880/HĐĐG- TK ngày 31 /5/2019 của Hội đồng đánh giá theo Quyết định số 492/QĐ-UBND Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 492 /QĐ-UBND**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

PHIẾU NHẬN XÉT

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên dự án:

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Nhận xét:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Khả năng cung cấp dịch vụ vật tư đầu vào chất lượng đảm bảo và có thể tiếp cận được dễ dàng:

.....
.....
.....
.....
.....

3.2.2. Khả năng về tổ chức sản xuất và tiềm năng của sản phẩm

- Khả năng nâng cấp về các tổ chức sản xuất hiện có:

.....
.....
.....
.....
.....

- Năng lực của người dân, HTX về sản xuất, chế biến sản phẩm (nếu cần chế biến sản phẩm):

.....
.....
.....
.....
.....

- Khả năng nâng cấp qui trình sản xuất, chế biến sản phẩm để nâng cao năng suất và hình thành chất lượng sản phẩm mới:

.....
.....
.....
.....
.....

- Năng lực quản lý, vận hành qui trình sản xuất, chế biến sản phẩm:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Mức độ ít rủi ro của sản xuất đặc biệt về thiên tai, biến đổi khí hậu.

.....
.....
.....
.....
.....

3.2.3. Tiềm năng về thị trường, khả năng về hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập

- Hiệu quả kinh tế của hoạt động/khả năng mang lại thu nhập cho các hộ tham gia:

.....
.....
.....
.....
.....

- Khả năng góp phần nâng cao/đa dạng hóa sinh kế:

.....
.....
.....
.....
.....

- Khả năng tận dụng được thời gian nhàn rỗi, nông nhàn:

.....
.....
.....
.....
.....

- Sản phẩm làm ra/hoặc sau khi chế biến đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường:

.....
.....
.....

.....
.....
.....

- Sản phẩm có thể bán được dễ dàng với qui mô sản xuất đang đề xuất:

.....
.....
.....
.....
.....

- Sản phẩm ít gặp rủi ro về thị trường (rủi ro cao thì điểm thấp):

.....
.....
.....

.....**3.2.4.**

Khả năng và năng lực của tác nhân thị trường

- Mức độ sẵn sàng tham gia của doanh nghiệp, HTX vào chuỗi giá trị:

.....
.....
.....
.....
.....

- Năng lực về tài chính, cơ sở vật chất của doanh nghiệp, HTX:

.....
.....
.....
.....
.....

- Khả năng về tiếp cận và phát triển thị trường về sản phẩm của doanh nghiệp, HTX:

.....
.....
.....
.....
.....

3.2.5. Mức độ tác động đến môi trường, sức khỏe con người

- Qui trình sản xuất hoặc chế biến sản phẩm áp dụng các thực hành tốt như IPM, Vietgap...:

.....
.....
.....
.....
.....

- Sản phẩm/hoặc các sản phẩm phụ kèm theo không có tác dụng tiêu cực đến môi trường:

.....
.....
.....

.....- Có hệ thống giảm thiểu tác động môi trường (ví dụ xây dựng hệ thống công thải phù hợp, có khả năng/hệ thống tái sử dụng sản phẩm):

.....
.....
.....

.....- Qui trình sản xuất, sản phẩm không gây tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất khác:

.....
.....
.....

.....**2.3.6.**
Mức độ phù hợp với các nguyên tắc và quy định khác của Chương trình

.....
.....
.....

4. Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu X vào các ô thích hợp)

- 1. Đề nghị thực hiện.
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Đề nghị không thực hiện.

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Đánh giá:

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
I	Thực trạng và điều kiện về sản xuất	22	
1.	Thực trạng sản xuất ở địa phương và/hoặc tiềm năng phát triển cây trồng, vật nuôi	4	
2.	Sự phù hợp về đất đai, tư liệu sản xuất thực hiện hoạt động	5	
3.	Sự phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương	5	
4.	Khả năng đóng góp tài chính của các tổ chức, cá nhân tham gia	4	
5.	Khả năng cung cấp dịch vụ vật tư đầu vào chất lượng đảm bảo và có thể tiếp cận được dễ dàng	4	
II	Khả năng về tổ chức sản xuất và tiềm năng của sản phẩm	22	
6.	Khả năng nâng cấp về các tổ chức sản xuất hiện có	5	
7.	Năng lực của người dân, HTX về sản xuất, chế biến sản phẩm (nếu cần chế biến sản phẩm)	5	
8.	Khả năng nâng cấp qui trình sản xuất, chế biến sản phẩm để nâng cao năng suất và hình thành chất lượng sản phẩm mới.	4	
9.	Năng lực quản lý, vận hành qui trình sản xuất, chế biến sản phẩm	4	
10.	Mức độ ít rủi ro của sản xuất đặc biệt về thiên tai, biến đổi khí hậu.	4	
III	Tiềm năng về thị trường, khả năng về hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập	28	
11.	Hiệu quả kinh tế của hoạt động/khả năng mang lại thu nhập cho các hộ tham gia	5	
12.	Khả năng góp phần nâng cao/đa dạng hóa sinh kế	5	
13.	Khả năng tận dụng được thời gian nhàn rỗi, nông nhàn	5	

14.	Sản phẩm làm ra/hoặc sau khi chế biến đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường	5	
15.	Sản phẩm có thể bán được dễ dàng với qui mô sản xuất đang đề xuất	4	
16.	Sản phẩm ít gặp rủi ro về thị trường (rủi ro cao thì điểm thấp)	4	
IV	Khả năng và năng lực của tác nhân thị trường	10	
17.	Mức độ sẵn sàng tham gia của doanh nghiệp, HTX vào chuỗi giá trị	4	
18.	Năng lực về tài chính, cơ sở vật chất của doanh nghiệp, HTX	3	
19.	Khả năng về tiếp cận và phát triển thị trường về sản phẩm của doanh nghiệp, HTX	3	
V	Mức độ tác động đến môi trường, sức khỏe con người	13	
20.	Qui trình sản xuất hoặc chế biến sản phẩm áp dụng các thực hành tốt như IPM, Vietgap....	4	
21.	Sản phẩm/hoặc các sản phẩm phụ kèm theo không có tác dụng tiêu cực đến môi trường	3	
22.	Có hệ thống giảm thiểu tác động môi trường (ví dụ xây dựng hệ thống cống thải phù hợp, có khả năng/hệ thống tái sử dụng sản phẩm).	3	
23.	Qui trình sản xuất, sản phẩm không gây tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất khác.	3	
VI	Mức độ phù hợp với các nguyên tắc và quy định khác của Chương trình	5	
24.			
25.			
...			
	Tổng điểm	100	

4. Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu **X** vào các ô thích hợp)

1. Đề nghị thực hiện.
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đánh giá đạt từ 70/100 điểm trở lên)

Nhận xét, kiến nghị:

